

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2023/HNGĐ-ST.

Ngày 07 - 9 - 2023.

V/v: “ Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Trung Kiên

Ông Phạm Hồng Thái

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại Phòng xét xử, Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1984. Trú tại: Xóm B, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1979. Trú tại: Xóm Đ, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Q ngày 03 tháng 5 năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 11 năm 2022 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không còn tin tưởng nhau. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 11 năm

2022 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn anh Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Thu T1, sinh ngày 27 tháng 8 năm 2002, Nguyễn Văn H sinh ngày 08 tháng 7 năm 2004, Nguyễn Anh Q1 sinh ngày 21 tháng 4 năm 2016, Nguyễn Bảo A sinh ngày 29 tháng 12 năm 2021. Hiện nay cháu A đang ở với chị T. Cháu T1 bị khuyết tật, cháu H đã trưởng thành, cháu Q1 còn nhỏ, ba cháu đều đang ở với anh Q.

Khi ly hôn chị T đề nghị được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Bảo A sinh ngày 29 tháng 12 năm 2021 do cháu còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi và đồng ý để anh Q nuôi dưỡng các con Nguyễn Thu T1, Nguyễn Anh Q1, Nguyễn Văn H. Chị T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi 02 con Nguyễn Thu T1, Nguyễn Anh Q1 cùng anh Q số tiền là 1.000.000đồng/02 con/tháng.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải các ngày 05 tháng 7 năm 2023, ngày 27 tháng 7 năm 2023, anh Nguyễn Văn Q có quan điểm như sau:

Về tình cảm: Anh xác định thời gian kết hôn đúng như chị T đã trình bày. Sau khi cưới vợ chồng chung sống đến tháng 11 năm 2022 phát sinh mâu thuẫn nhỏ, anh nghi ngờ chị T ngoại tình. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn vì anh nghĩ đến các con cần có gia đình.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Thu T1, sinh ngày 27 tháng 8 năm 2002, bị khuyết tật bẩm sinh không đi học, đang hưởng chế độ trợ cấp của Nhà nước, cháu Nguyễn Văn H sinh ngày 08 tháng 7 năm 2004 đã trưởng thành, cháu Nguyễn Anh Q1 sinh ngày 21 tháng 4 năm 2016. Hiện 03 cháu T1, H, Q1 đang ở với anh Q. Riêng cháu Nguyễn Bảo A sinh ngày 29 tháng 12 năm 2021, đang ở với chị T. Nếu phải ly hôn anh Q đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị T có đơn xin vắng mặt, anh Q có quan điểm: Về tình cảm: Anh đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung: anh nhận nuôi hai con Nguyễn Văn H và Nguyễn Anh Q1, chị T nuôi hai con Nguyễn Thu T1 và Nguyễn Bảo An. Về tài sản chung, công nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án cho nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tình cảm: Chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn Q kết hôn ngày 03 tháng 5 năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 11 năm 2022 phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh Q nghi ngờ chị T có quan hệ với người đàn ông khác. Chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2022 đến nay. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Q đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ. Chị T xin ly hôn anh Q cũng đồng ý. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định của pháp luật được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Thu T1, sinh ngày 27 tháng 8 năm 2002, Nguyễn Văn H sinh ngày 08 tháng 7 năm 2004, Nguyễn Anh Q1 sinh ngày 21 tháng 4 năm 2016, Nguyễn Bảo Asinh ngày 29 tháng 12 năm 2021. Hiện nay con Nguyễn Bảo A đang ở với chị T. Con Nguyễn Văn H đã trưởng thành tự lập, con Nguyễn Thu T1 bị khuyết tật, con Nguyễn Anh Q1 còn nhỏ đều đang ở với anh Q.

Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung và điều kiện hiện nay của anh chị, HĐXX xét thấy: Cháu Nguyễn Bảo A sinh ngày 29 tháng 12 năm 2021, dưới 36 tháng tuổi đang ở với chị T. Cháu T1, H, Q1 đang ở với anh Q. Cháu Nguyễn Văn H đã trưởng thành tự lập nhưng chưa xây dựng gia đình còn đang sống phụ thuộc vào gia đình, cháu Nguyễn Thu T1 đang hưởng chế độ người khuyết tật nặng tại địa phương, tuy cháu được hưởng chế độ người khuyết tật nhưng cũng cần sự chăm sóc hàng ngày, cháu Q1 đang học cấp 1. Để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng, học tập đối với con chung, HĐXX thấy cần giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Bảo An, giao cho anh Q tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thu T1, Nguyễn Văn H, Nguyễn Anh Q1 là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi 02 con chung Nguyễn Thu T1, Nguyễn Anh Q1 cùng anh Q số tiền 1.000.000đồng/02 con/tháng. Xét thấy: Chị T là lao động tự do, thu nhập không ổn định, hiện phải đi thuê nhà và nuôi con Nguyễn Bảo A dưới 36 tháng tuổi. Cháu T1 tuy bị khuyết tật được Nhà nước hỗ trợ chế độ người khuyết tật. Hiện nay anh Q có nhà cửa ổn định, đảm bảo chỗ ăn, nghỉ cho các con. Xét thấy chị T tự nguyện cấp dưỡng cùng anh Q nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng là không phù hợp. HĐXX xét thấy cần buộc chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q mỗi tháng 2.000.000đồng/tháng cho đến khi các con trưởng thành và tự lập.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng: Chị Hoàng Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung:

- Con chung Nguyễn Văn H đã trưởng thành.

- Giao chị Hoàng Thị T nuôi dưỡng con chung Nguyễn Bảo A sinh ngày 29 tháng 12 năm 2021.

- Giao anh Nguyễn Văn Q nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thu T1, sinh ngày 27 tháng 8 năm 2002, Nguyễn Anh Q1 sinh ngày 21 tháng 4 năm 2016.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị Hoàng Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung Nguyễn Thu T1, Nguyễn Anh Q1 cùng anh Nguyễn Văn Q số tiền là 2.000.000đồng/tháng kể từ tháng 10 năm 2023 đến khi các con trưởng thành tự lập.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002306 ngày 13 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định được trừ vào số tiền án phí chị T phải nộp. Chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Án phí cấp dưỡng: Chị Hoàng Thị T phải nộp 300.000đồng.

5. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm (07-9-2023). Chị Hoàng Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã V;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng